

Số: 39 /GPMT-UBND

Đắk Nông, ngày 27 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 08/CV-NVL ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và đề
nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân
(Quy mô 7.200 heo thịt);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
220/TTr-STNMT ngày 08 tháng 11 năm 2024, Công văn số 3207/STNMT-
CCBVMT ngày 26 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân, địa chỉ tại thôn 3,
xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo
vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (Quy mô 7.200
heo thịt) tại thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với các nội
dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (Quy mô
7.200 heo thịt).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh
Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 63E8284729 do Phòng Tài chính – Kế hoạch – UBND huyện Đắk R’lấp cấp lần đầu ngày 19/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 63E8284729.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ cao, chuồng lạnh, khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: Thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô: Tổng diện tích đất sử dụng là 75.952,2 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 14.611 m²;

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 33.099,82 m²;

+ Diện tích các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: 28.241,38 m².

Quy mô chăn nuôi: 7.200 con heo thịt.

Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất



ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tuân hoàn, tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Đắk R'lấp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&CN, NN&PTNT;
- UBND huyện Đắk R'lấp;
- Hộ gia đình Nguyễn Vũ Luân;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(N).

04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **39** /GPMT-UBND ngày **27** tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân dự án, phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày.đêm, được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn kết hợp giếng thấm.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án là 120,4 m³/ngày.đêm (Bao gồm: nước tiểu heo, nước tháo phân ra khỏi chuồng, nước phân heo qua tách ép) và lượng nước mưa rơi vào các hồ xử lý nước thải (ghi tắt là XLNT) khoảng 5,85 m³/ngày.đêm. Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất phải xử lý là 126,25 m³/ngày.đêm. Nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống XLNT tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng 100% để tưới gốc cây xanh và cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

Nước thải chăn nuôi (bao gồm: Nước tiểu heo, nước tháo phân ra khỏi chuồng, nước phân heo sau tách ép) và nước mưa rơi vào hồ xử lý được thu gom về hệ thống XLNT tập trung công suất 200 m³/ngày (24 giờ) để xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT sẽ được lưu chứa tại hồ chứa nước sau xử lý. Tại đây một phần nước thải sau xử lý được bơm lên để tưới gốc cây xanh.

Ngoài ra, một phần nước thải sau xử lý tại hồ chứa nước sau xử lý được tiếp tục được bơm sang hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý của dự án được tái sử dụng 100% để tưới gốc cây xanh và cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng.

2.3. Vị trí xả nước thải: Tại hồ chứa nước sau xử lý của dự án Trang trại chăn nuôi Nguyễn Vũ Luân (Quy mô 7.200 heo thịt) tại thôn 12, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.



Tọa độ vị trí xả nước thải (xả vào hồ chứa nước sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng): X=391779, Y=1319830 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180°30', múi chiều 3⁰).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (xả vào hồ chứa nước sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng): 126,25 m³/ngày.đêm, tương đương 5,26 m³/h (ngày xả 24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT sẽ tự chảy vào hồ chứa nước sau xử lý qua đường ống uPVC D114. Nước thải tại đây được tái sử dụng 100% để tưới gốc cây xanh và cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng. Phương án tái sử dụng nước cụ thể như sau:

+ Vào mùa mưa:

* Lượng nước thải phát sinh hàng ngày trong mùa mưa (đã bao gồm nước mưa rơi vào hồ xử lý) là 126,25 m³/ngày.đêm.

* Lượng nước mưa rơi vào hồ chứa nước sau xử lý là 12,74 m³/ngày.đêm.

* Lượng nước bốc hơi trong các hồ xử lý và hồ chứa nước sau xử lý là 8,02 m³/ngày.

* Lượng nước thải sau xử lý tái sử dụng để tháo phân ra khỏi chuồng là 60 m³/ngày.

Vậy lượng nước dự trữ vào mùa mưa là: $126,25 + 12,74 - 8,02 - 60 = 70,97$ m³/ngày.đêm. Lượng nước này sẽ được trữ tại hồ chứa nước sau xử lý. Tổng lượng nước cần trữ vào 6 tháng mùa mưa là khoảng 12.988,27 m³ (bình quân 183 ngày). Tổng thể tích chứa của hồ chứa nước sau xử lý là 13.552 m³ nên đảm bảo chứa hết lượng nước trong suốt mùa mưa.

+ Vào mùa khô:

* Nước lưu trữ trong mùa mưa tại các hồ chứa nước sau xử lý: 12.988,27 m³ tương đương 71,36 m³/ngày.đêm (mùa khô 182 ngày).

* Lượng nước thải chăn nuôi phát sinh hàng ngày trong mùa khô: 120,4 m³/ngày.đêm (không có nước mưa rơi vào các hồ xử lý).

* Lượng nước bốc hơi trong các hồ xử lý và hồ chứa nước sau xử lý là 10,28 m³/ngày.

* Lượng nước tái sử dụng tháo phân ra khỏi chuồng là 60 m³/ngày.

Vậy lượng nước thải sau xử lý để tưới gốc cây trong mùa mùa khô là: $71,36 + 120,4 - 10,28 - 60 = 121,48$ m³/ngày.đêm.

Trong khi đó nhu cầu tưới gốc cây vào mùa khô là 227,91 m³/ngày. Như vậy đảm bảo tưới gốc cây hết lượng nước thải sau xử lý.

- Chế độ xả nước thải:

+ Nước thải sau xử lý tự chảy về hồ chứa nước sau xử lý: Xả thải liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

+ Nước thải sau xử lý tại hồ chứa nước sau xử lý tái sử dụng để tưới gốc cây xanh và cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng: Xả nước thải gián đoạn, theo thời điểm tưới gốc cây và tháo phân ra khỏi chuồng.

- Chất lượng nước thải chăn nuôi sau xử lý để tuần hoàn, tái sử dụng phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_f = 1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_f = 1,1$)	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT	
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9	3 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	110	-	
3	COD	mg/l	330	-	
4	TSS	mg/l	165	-	
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	165	-	
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000	-	
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	-	≤ 600	
8	Asen (As)	mg/l	-	≤ 0,1	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤ 0,01	
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤ 0,5	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤ 0,002	
12	Chì (Pb)	mg/l	-	≤ 0,05	
13	E.coli	MPN/100ml	-	>1.000-5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

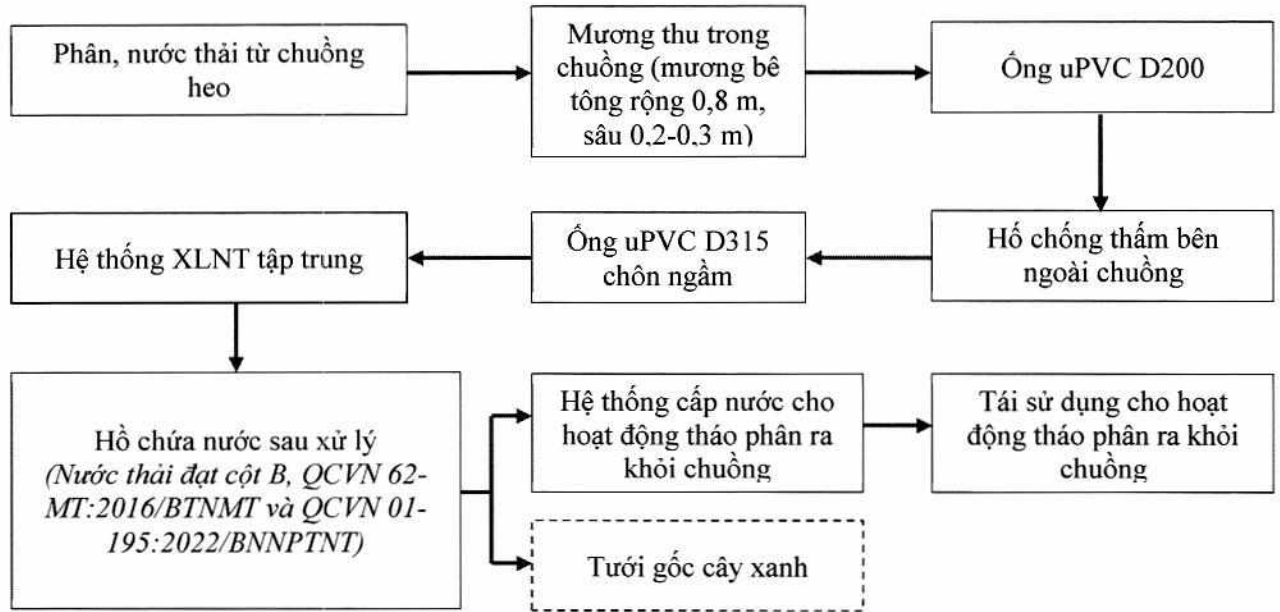
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi của dự án như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ các khu vực nhà công nhân, nhà điều hành khoảng 2,25 m³/ngày.đêm, được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn kết hợp giếng thăm (Không thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung).

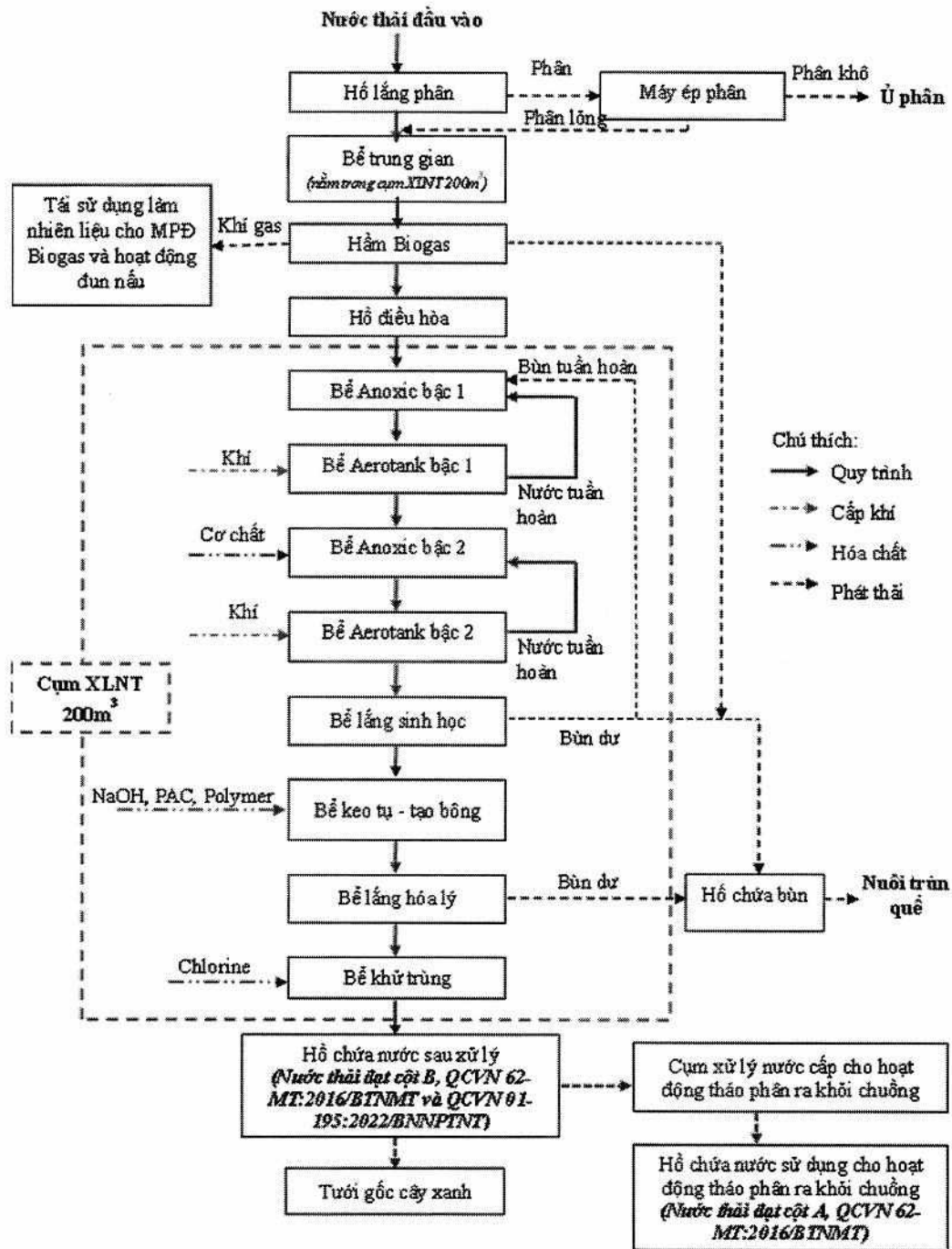
- Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi: được thể hiện qua sơ đồ sau:



Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phân heo và nước thải trong chuồng sẽ được thu gom về mương thu nước thải trong chuồng (mương bê tông rộng 0,8 m, sâu 0,2-0,3 m), có độ dốc 1% dọc theo chiều dài mương. Tổng chiều dài các mương thu gom nước thải bên trong chuồng là 840 m. Nước thải từ mương bên trong chuồng theo đường ống uPVC D200 thoát ra các hố chống thấm đặt bên ngoài chuồng (kích thước hố CT: 0,8m x 0,8m x 0,8m). Nước thải tại các hố chống thấm theo đường ống uPVC D315 (chôn ngầm, tổng chiều dài 701 m) chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi của dự án như sơ đồ sau:



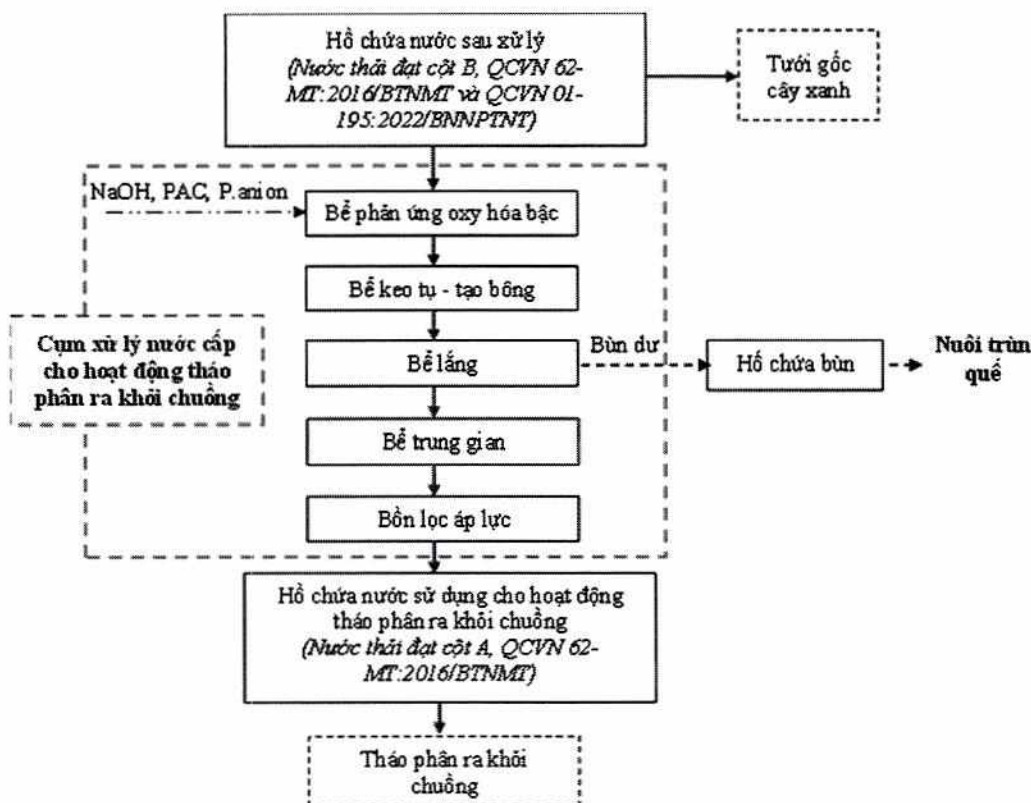
- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày (24 giờ).
- Kích thước các hồ, bể của hệ thống xử lý nước thải như sau:

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Cấu tạo
1	Hố lắng phân	1	Đường kính D=4,5m	79,52	Hố đúc bê tông cốt thép dày 25cm, hồ dầu chống thấm.
2	Hầm Biogas	1	77x31x6	14.322	Nắp hầm lót bạt HPDE 1,5mm; đáy, taluy hầm lót bạt HPDE 0,75mm
3	Hồ điều hòa	1	39x29x4	4.524	Đáy, taluy hồ lót bạt HPDE 0,75mm

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Cấu tạo
4	Cụm xử lý nước thải 200m ³	1	-	-	
4.1	Bể trung gian	1	3,4 x 1,25 x 4	17	
4.2	Bể Anoxic bậc 1	1	Ngăn 1: 4,5mx4mx4m, Ngăn 2: 6mx3,5mx4m.	177,27	+ Bê tông lót: M100 dày 100mm + Kết cấu đáy bể: Bê tông M250 dày 250 mm, thép phi 12a200/10a200 - 2 lớp, Sơn chống thấm mặt trong bể Kova CT11A
4.3	Bể Aerotank bậc 1	1	6,0 x 3,5 x 4	84	
4.4	Bể Anoxic bậc 2	1	5,95 x 3,5 x 4	83,3	+ Kết cấu thành bể: Bê tông M250 dày 250mm, thép phi 12a200/10a200, Sơn chống thấm mặt trong và mặt ngoài bể Kova CT11A
4.5	Bể Aerotank bậc 2	1	5,95 x 3,5 x 4	85,3	
4.6	Bể lắng sinh học	1	3,4 x 3,4 x 4	46,24	
4.7	Bể keo tụ - tạo bông	1	1x0,9x 3,5	6,3	
4.8	Bể lắng hóa lý	1	2,35x2,35x3,5	19,33	
4.9	Bể khử trùng	1	2,35x0,8x3,5	6,58	
5	Hồ chứa nước sau xử lý	1	56x44x5,5	13.552	Đáy, taluy hồ lót bạt HPDE 1mm
6	Hồ dự phòng sự cố	1	40x20x5	4.000	Đáy, taluy hồ lót bạt HPDE 0,75mm

- Hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng của dự án như sơ đồ sau:





- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày (24 giờ).

- Kích thước các hồ, bể của hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng như sau:

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Cấu tạo
1	Cụm xử lý nước cấp cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng	1	Diện tích S=24,48m ²	-	Cụm hợp khối, kết cấu thép CT3 bọc phủ composite
1.1	Bể phản ứng oxy hóa bậc cao	1	0,9x0,9x0,68	0,56	
1.2	Bể keo tụ - tạo bông	1	0,9x0,9x0,68	0,56	
1.3	Bể lắng	1	2,5x1,8x2,5	11,25	
1.4	Bể trung gian	1	2,5x0,7x2,5	17	
1.5	Bồn lọc áp lực	1	DxH= 0,525x1,625m	177,27	
2	Hồ chứa nước sử dụng cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng	1	35x25x5	84	Đáy hồ, taluy hồ phủ bạt HDPE 1mm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải và Hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng của dự án: NaOH, Mật rỉ đường, PAC, Polymer Anion, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

- Bố trí công nhân vận hành theo đúng hướng dẫn của đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước; hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng các chất bẩn.

- Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc ngay, nước thải sẽ được bơm vào hồ dự phòng sự cố để lưu trữ tạm thời.

- Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý không đạt QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNT (phát hiện thông qua một số sự cố trong quá trình chăn nuôi hoặc qua công tác kiểm tra nước thải đầu ra định kỳ), phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của dự án, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh để khắc phục kịp thời. Sau khi kiểm tra, khắc phục, nước thải sau xử lý tiếp tục được tuần hoàn, tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày (24 giờ).

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ 01 Vị trí nước thải đầu vào tại bể trung gian.

+ 01 Vị trí nước thải đầu ra tại hồ chứa nước sau xử lý.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải

và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 05 mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

+ Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tuần hoàn, tái sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho các hoạt động của Trang trại để thực hiện các biện pháp khắc phục, sau khi khắc phục hệ thống xử lý nước thải mới bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

-Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định khi trang trại có nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng áp dụng QCVN 01-195:2022/BNNPTNT; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./

Phụ lục 2:
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 39 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nhập heo giống và xuất heo thành phẩm.
- Nguồn số 02: Bụi, mùi hôi trong quá trình chăn nuôi, xử lý chất thải.
- Nguồn số 03: Khí ga phát sinh từ hầm Biogas.
- Nguồn số 04: Khí thải từ máy phát điện dự phòng (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi máy phát điện dự phòng hoạt động).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống làm mát, hầm biogas, máy phát điện dự phòng, quạt hút để tránh xảy ra các sự cố môi trường.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển của dự án phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.
- Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải, mùi hôi ra môi trường xung quanh.
- Thường xuyên vệ sinh chuồng, hạn chế phân heo, nước thải ứ đọng trong chuồng.
- Định kỳ tiến hành công tác vệ sinh đường ống, hố ga thu gom nước thải để tránh phân, nước thải ứ đọng làm phát sinh mùi.
- Đối với mùi hôi phát sinh trong chuồng trại, khu vực nhà đặt máy tách phân và ủ, chứa phân: Định kỳ phun chế phẩm vi sinh khử mùi bên trong chuồng, bề mặt phân.
- Đối với mùi hôi sau quạt hút: Xây dựng khung lưới che chắn để hạn chế mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh khu vực.
- Khí ga sinh ra từ hầm biogas sẽ được thu gom và tái sử dụng, 1 phần làm nhiên liệu chạy máy phát điện biogas, cung cấp điện năng cho các hoạt động của dự án (có hệ thống lọc khí ga trước khi tái sử dụng), 1 phần tái sử dụng làm khí đốt cho bếp ăn công nhân và nấu xác heo.
- Đường ống dẫn khí biogas được sử dụng vật liệu chống ăn mòn (PVC) đảm bảo hạn chế hư hỏng đường ống phát tán khí biogas ra môi trường./.



Phụ lục 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **39** /GPMT-UBND ngày **27** tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi (do heo kêu).
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của quạt hút.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ máy bơm nước thải và máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Khu vực chuồng nuôi, quạt hút sau các dãy chuồng, khu vực hệ thống xử lý nước thải và nhà đặt máy phát điện.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của quạt hút:
 - + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.
 - + Đảm bảo mật độ cây xanh của dự án.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm nước thải, máy phát điện dự phòng:
- + Bố trí khu vực nhà đặt máy phát điện riêng với khu nhà ở công nhân.
- + Bố trí khu vực đặt máy bơm nước thải cách ly với khu vực nhà công nhân, chuồng trại chăn nuôi.
- + Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: (không).

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực dự án và người dân gần khu vực dự án./.



Phụ lục 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 39 /GPMТ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (gọi tắt là CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
I Chất thải nguy hại dạng rắn					
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	10	
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 02 02	16,69	
4	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y,...)	Rắn	14 01 06	20,5	
5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/lỏng /bùn	14 02 02	16,4	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu không nêu tại mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	2	
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)*	Rắn	14 02 01	-	Thông báo cho cơ quan có chức năng, tiêu hủy tại Hồ hủy xác trong khuôn viên dự án
II Chất thải nguy hại dạng lỏng					
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	80	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định

(*): Chỉ phát sinh khi có sự cố dịch bệnh xảy ra.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh:

- Phân heo: Phân heo được thu gom trực tiếp có khối lượng khoảng 7,74 tấn/ngày.đêm và phân heo sau khi tách ra khỏi nước thải có khối lượng khoảng 5,42 tấn/ngày.đêm.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng: khoảng 529,64 kg/ngày.

- Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng bình quân 5 năm thay 1 lần, mỗi lần thay khoảng 1,83 tấn.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh:

- Chủng loại: Rác thải sinh hoạt như vỏ lon, chai nhựa, bìa giấy, bao bì, thức ăn thừa...

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 4,5 kg/ngày, tương đương 1,64 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 4 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Nền bê tông đá 1x2 M200, dày 10 cm, quét hồ dầu chống thấm; cột thép mạ kẽm 100x100 mm; Tường: 4 phía thưng tole màu dày 4,2 zem; mái: lợp tole màu dày 4,2 zem; cửa: khung thép mạ kẽm 100x100 mm, ốp tole màu dày 4,2 zem. Có dán biển cảnh báo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chăn nuôi thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

- Khu vực lưu chứa, ủ phân sau khi ép:

+ Diện tích khu vực nhà đặt máy tách phân và ủ, chứa phân: 120m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nền bê tông đá 1x2 mác 200, dày 10 cm, quét hồ dầu chống thấm; cột thép mạ kẽm 100x100 mm; tường: 3 phía xây gạch, tô 2 mặt, cao 0,8 m, 1 phía xây gạch, tô 2 mặt, cao 0,8 m, thưng tôn màu 4,2 zem; mái: lợp tole màu dày 4,2 zem.

- Khu vực chứa bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng:

+ Thể tích của hồ chứa bùn: 144 m³.

+ Kết cấu: Taluy hầm tạo độ dốc 1:0,5; đáy hầm, taluy hầm phủ bạt HDPE dày 0,75 mm, vải địa kỹ thuật, đất nền tự nhiên đầm chặt K90; Mặt hầm phủ bạt HDPE dày 1,5mm; Rãnh lấp chân bạt: 1m:1,5m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác tập trung bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 50 lít.

- Khu vực lưu chứa: Thùng rác được bố trí tại các khu vực nhà công nhân, nhà điều hành, nhà bảo vệ và khu vực xử lý nước thải. Rác thải sau khi được thu gom và phân loại tại nguồn sẽ xử lý như sau:

+ Rác có khả năng tái chế như vỏ lon, chai nhựa, bìa carton,.. sẽ được lưu chứa trong bao, định kỳ cung cấp cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Rác thải thực phẩm như: Thức ăn thừa, rau củ quả, vỏ trứng, vỏ trái cây,... và rác thải sinh hoạt khác không có khả năng tái chế: Hộp xốp, bao ni lông,... sẽ mang rác chôn lấp tại hố chôn rác của dự án. Trong quá trình chôn lấp sử dụng vôi bột rắc đều lên bề mặt để đảm bảo vệ sinh, tránh ruồi nhặng.

- Khi dịch vụ thu gom rác được thực hiện đến khu vực dự án, Chủ dự án sẽ ký hợp đồng thu gom rác với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của dự án.

- Ban hành nội quy giữ gìn vệ sinh chung và thường xuyên nhắc nhở công nhân nghiêm túc thực hiện.

2.4. Yêu cầu khác:

Thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt theo Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 16/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có):

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chăn nuôi thông thường:

* Xử lý xác heo chết do bệnh thông thường

Heo chết do bệnh thông thường khoảng 4-12 kg/ngày được nấu, xay xác tại nhà nấu, xay xác heo (diện tích 32 m²) sau đó làm thức ăn cho cá tại các ao nuôi cá trong khu vực dự án.

* Ủ phân, nuôi trùn quế

- Loại chất thải tự tái chế, tái sử dụng: Phân heo sau tách ép, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng.

- Khối lượng chất thải tự tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo: 5,42 tấn/ngày.đêm, tương đương với 1.978,3 tấn/năm.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng: 529,64 kg/ngày, tương đương với 193,32 tấn/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tái chế, tái sử dụng:

Phân heo sau tách ép sẽ được đưa về ủ tại nhà đặt máy tách phân và ủ, chứa phân (diện tích 120 m²), bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống cấp nước cho hoạt động tháo phân ra khỏi chuồng được thu gom về hố chứa bùn (thể tích 144 m³). Phân heo sau ủ 12-15 ngày (3,97 tấn/ngày) và bùn thải tại hố chứa bùn (529,64 kg/ngày) được sử dụng làm thức ăn nuôi trùn quế, sản phẩm trùn quế và phân trùn sau thu hoạch được đóng gói và cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu thu mua. Phân heo sau ủ 35-40 ngày (1,45 tấn/ngày) được đóng bao, lưu chứa tại ngăn chứa phân và định kỳ bón cây xanh trong khu vực dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, biện pháp xử lý thực hiện theo Điều 30 Luật Thú y năm 2015 về xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 593/KH-BCH ngày 16/9/2024 của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2030 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có

đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.



Phụ lục 5:

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 35 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

3. Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của trang trại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố môi trường xảy ra do vận hành dự án.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của trang trại cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn



bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

